

# SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

## SỐ 37

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2021

### Nội dung

	<i>Trang</i>
<b>Phần I. Lưu ý khi quyết toán thuế năm 2021</b>	03
<b>Phần III. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong năm 2021 đến nay</b>	
1. Thuế GTGT	9
2. Thuế TNDN	12
3. Thuế TNCN	15
4. Thuế nhà thầu	18
5. Xuất nhập khẩu	19
6. Quy định khác	22

*Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC*

**Viết tắt**

CP

*Chính phủ*

TTCP

*Thủ tướng Chính phủ*

BTC

*Bộ Tài chính*

BCT

*Bộ Công thương*

BLĐTBXH

*Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội*

NHNN

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

TCT

*Tổng Cục thuế*

Thuế GTGT

*Thuế Giá trị gia tăng*

Thuế TNDN

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế TNCN

*Thuế thu nhập cá nhân*

NĐ

*Nghị định*

TT

*Thông tư*

QĐ

*Quyết định*

CV

*Công văn*

## PHẦN I. LƯU Ý KHI QUYẾT TOÁN THUẾ NĂM 2021

### QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN NĂM 2021

Năm 2021, chính sách thuế TNDN tiếp tục kế thừa các quy định của năm 2020, đây cũng là năm bắt đầu áp dụng mẫu biểu kê khai theo Thông tư 80/2021/TT-BTC trong quyết toán thuế TNDN. Để thuận tiện cho quý khách hàng trong việc quyết toán thuế TNDN cho năm tài chính 2021, chúng tôi xin tổng hợp một số điểm cần lưu ý thêm trong năm 2021 như sau:

1. **Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 và Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021**

Các doanh nghiệp đáp ứng đồng thời 2 tiêu chí:

- i. Có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng; và
- ii. Tổng doanh thu năm 2021 giảm so với tổng doanh thu năm 2019.

Được giảm 30% số thuế phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm tài chính 2021.

Tiêu chí (ii) không áp dụng đối với trường hợp DN mới thành lập, DN chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế năm 2020 và năm 2021.

Về nguyên tắc xác định doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế và số thuế TNDN được giảm tương tự như Nghị định 114/2020/NĐ-CP áp dụng cho năm tài chính 2020.

Về kê khai giảm thuế, căn cứ tổng doanh thu năm 2019 và dự kiến tổng doanh thu năm 2021, DN tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế TNDN hàng quý và số thuế TNDN chính thức được giảm để kê khai theo mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 và theo Phụ lục thuế TNDN được giảm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này

2. **Về tiền thuế tạm nộp (75% số thuế phải nộp theo quyết toán) tính đến ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 quy định Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.**

Theo thông tin từ Tổng cục thuế, tạm thời chưa tính tiền chậm nộp đối với trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm (75% số thuế phải nộp theo quyết toán) tính đến ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 126/2020/NĐ-CP đang được sửa đổi theo hướng doanh nghiệp phải tạm nộp ít nhất 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán tính đến ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế quý 4 như quy định trước đây.

Cơ quan thuế sẽ tính và thông báo bổ sung tiền chậm nộp của năm tài chính 2021 (nếu có) sau khi Nghị định sửa đổi được ban hành

3. **Chi phí được trừ và không được trừ**

*Chi phí chi cho người lao động được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN và không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động*

- Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi thuế TNDN và không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động đối với: Chi phí cách ly y tế do dịch Covid - 19 ở trong nước và tại nước ngoài đối với trường hợp đi công tác tại nước ngoài (chi phí tiền ăn, tiền ở; chi phí xét nghiệm Covid -19; chi phí đưa đón từ nơi nhập cảnh vào Việt Nam hoặc từ nơi phát hiện đối tượng phải thực hiện cách ly y tế đến cơ sở cách ly y tế; chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong những ngày cách ly y tế; ...) để thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- Các khoản chi phí xét nghiệm Covid - 19 hoặc mua kit xét nghiệm Covid - 19 cho người lao động, chi phí mua các thiết bị cho người lao động nhằm bảo vệ người lao động khỏi nguy cơ lây nhiễm trong quá trình làm việc và các chi phí ăn, ở của người lao động ở tại doanh nghiệp hoạt động theo phương án "3 tại chỗ".
- Lưu ý các khoản chi phí nêu trên phản ánh thực tế phát sinh và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định của pháp luật

**(CV số 4110/TCT-DNNCN ngày 27/10/2021)**

Chi phí tài trợ phòng, chống dịch Covid-19 được tính vào chi phí được trừ

- Khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ gồm:
  - ✚ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ;
  - ✚ Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu về hồ sơ: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 44/2021/NĐ-CP hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật

**(Nghị định 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021)**

Chi phí tiền lương cho người lao động theo Thư bổ nhiệm không được trừ

Trên thực tế, thư bổ nhiệm (hoặc các tài liệu tương đương khác) đã và đang được một số cơ quan thuế địa phương chấp nhận là một trong các tài liệu chứng minh chi phí tiền lương, tiền công được trừ, thể hiện qua một số công văn như: Công văn 6990/CT-TTHT ngày 08/07/2019 và Công văn 1565/CT-TTHT ngày 28/02/2018 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính cho rằng việc sử dụng thư bổ nhiệm là tài liệu chứng minh để tính vào chi phí tiền lương, tiền công trả cho người lao động nước ngoài là chưa phù hợp với pháp luật về thuế TNDN. Theo đó, chi phí tiền lương theo Thư bổ nhiệm không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 7959/BTC-CST ngày 20/07/2021)**

Các khoản chi vi phạm pháp luật chuyên ngành không được trừ

Trường hợp doanh nghiệp có các khoản chi về làm thêm giờ cho người lao động, chi trả tiền lương, tiền công, bảo hiểm cho người lao động nước ngoài hoặc chi khuyến mại nếu đáp ứng được điều kiện quy định của pháp luật về thuế và pháp luật chuyên ngành thì sẽ được trừ khi tính thuế TNDN. Điều này có nghĩa là các khoản chi làm thêm giờ nhưng vượt quá số giờ quy định của Bộ luật lao động, chi tiền lương và các khoản khác cho người nước ngoài không có giấy phép lao động hoặc chi khuyến mại nhưng không tuân thủ pháp luật về thương mại thì sẽ không được trừ khi tính thuế TNDN, kể cả trường hợp đáp ứng pháp luật về thuế. **(Công văn số 5476/BTC-CST ngày 07/05/2020)**

Chi phí lãi vay đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Tại điểm d và điểm l khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định:

*"d) Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;*

*l) Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này."*

Căn cứ quy định nêu trên trường hợp Công ty có vay vốn ngân hàng với khoản vốn vay lớn hơn 25% vốn góp của chủ sở hữu của Công ty và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của Công ty thì giữa Công ty và Ngân hàng được xác định là có quan hệ liên kết. Khi đó các giao dịch phát sinh giữa doanh nghiệp và ngân hàng được xác định là giao dịch liên kết.

Trường hợp Công ty mượn tiền của chủ doanh nghiệp đồng là người đại diện pháp luật điều hành, kiểm soát doanh nghiệp với số tiền lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu được xác định là có quan hệ liên kết. Khi đó giao dịch vay mượn tiền giữa Công ty với chủ doanh nghiệp là giao dịch liên kết.

***(CV số 2687/TCT-TTKT ngày 20/7/2021 và trả lời của Tổng cục thuế trên Cổng thông tin điện tử)***

***Chi phí thanh toán ngày phép chưa sử dụng trong năm không được trừ***

Khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động 2019 quy định:

***"3. Trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ".***

Từ năm 2021, người lao động chưa nghỉ hết phép năm mà vẫn tiếp tục làm việc sẽ không được thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ mà chỉ thanh toán cho người lao động thôi việc hoặc bị mất việc làm.

Trường hợp doanh nghiệp chi trả khoản tiền lương của những ngày chưa nghỉ phép trong năm cho người lao động đang làm việc tại Công ty là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 113, Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội (việc chi trả những ngày chưa nghỉ phép trong năm chỉ quy định trong trường hợp lao động thôi việc, bị mất việc làm) và chưa đáp ứng đầy đủ quy định đối với các khoản chi tiền lương, tiền thưởng cho người lao động để Công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Tuy nhiên, đây là khoản lợi ích do Công ty chi trả mà người lao động được hưởng phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. ***(Công văn số 05/CTBNI-TTHT ngày 04/01/2022 của Cục thuế Bắc Ninh)***

#### 4. Ưu đãi thuế TNDN

***Nguyên tắc xác định ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn và thu nhập từ lãi tiền gửi***

Về nguyên tắc doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN.

***Các khoản thu nhập không thuộc thu nhập phát sinh trên địa bàn ưu đãi đầu tư, không thuộc thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế TNDN. (CV 3489/TCT-CS ngày 14/09/2021)***

Công ty là doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN. Theo đó, khoản thu nhập khác của Công ty từ lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh tại Ngân hàng không thuộc địa bàn ưu đãi thuế thì không thuộc đối tượng được ưu đãi thuế TNDN. ***(CV số 2032/CT-TNHH ngày 17/07/2020 của Cục thuế Hải Phòng)***

Trường hợp công ty đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư do đáp ứng điều kiện về địa bàn mà có khoản tiền nhàn rỗi mang đi gửi tổ chức tín dụng (không phân biệt tổ chức tín dụng ở trong hay ngoài địa bàn ưu đãi) và phát sinh khoản lãi tiền gửi do tổ chức tín dụng chi trả thì đây là khoản thu nhập từ đầu tư tài chính không liên quan đến dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi. Theo đó, công ty không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ khoản lãi tiền gửi này. ***(CV số 261/CTHPH-TTHT ngày 26/01/2022 của Cục Thuế Hải Phòng)***

***Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa***

- Doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định pháp luật nếu đáp ứng được các điều kiện ưu đãi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ tương ứng (Quyết định 1466/QĐ-TTg, Quyết định 693/QĐ-TTg và Quyết định 1470/QĐ-TTg).
- Doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa không đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế TNDN thì phải kê khai bổ sung số thuế TNDN còn thiếu (nếu có), tự tính số thuế TNDN phải nộp hoặc cơ quan thuế thực hiện truy thu số thuế TNDN theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành đến thời điểm đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Nếu việc kê khai và nộp thuế bổ sung được thực hiện trước ngày 1 tháng 11 năm 2021 (ngày Thông tư 71 có hiệu lực thi hành) thì sẽ không bị phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp. Nếu không, các khoản phạt vi phạm hành chính về khai sai và tiền chậm nộp thuế sẽ được áp dụng.

***(TT 71/2021/TT-BTC ngày 17/08/2021)******Ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ***

Ngày 04/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 57/2021/NĐ-CP bổ sung Nghị định 218/2013/NĐ-CP về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Đối tượng bổ sung theo Nghị định 57 là các dự án (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) được thực hiện trước ngày 01/01/2015, đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (SXSPCNHT) theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi SXSPCNHT. Cụ thể:

- Trường hợp dự án chưa được hưởng ưu đãi TNDN thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện dự án SXSPCNHT kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi SXSPCNHT.
- Trường hợp dự án đã hưởng hết ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án SXSPCNHT) thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự SXSPCNHT cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi SXSPCNHT.
- Trường hợp dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án SXSPCNHT) thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự SXSPCNHT cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi SXSPCNHT.

Cách xác định thời gian ưu đãi còn lại có một số điểm lưu ý như sau:

- Thời gian miễn thuế còn lại bằng thời gian miễn thuế theo điều kiện dự án SXSPCNHT trừ đi thời gian miễn thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;
- Thời gian giảm thuế còn lại bằng thời gian giảm thuế theo điều kiện dự án SXSPCNHT trừ đi thời gian giảm thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;
- Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi còn lại bằng thời gian ưu đãi thuế suất theo điều kiện dự án SXSPCNHT hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi thuế suất đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có).

**5. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN**

Đối với người nộp thuế tính thuế TNDN theo doanh thu – chi phí, hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN bao gồm:

- Tờ khai 03/TNDN (Thông tư 80/2021/TT-BTC)
- Phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh theo mẫu 03-1A/TNDN hoặc 03-1B/TNDN hoặc 03-1C/TNDN (Thông tư 80/2021/TT-BTC)
- Báo cáo tài chính năm (theo pháp luật kế toán, pháp luật kiểm toán)
- Một hoặc một số PL theo tình hình thực tế của NNT (không bắt buộc):
  - Phụ lục chuyển lỗ 03-2/TNDN
  - Phụ lục ưu đãi theo Luật thuế TNDN 03-3/TNDN
  - Phụ lục tính thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài 03-4/TNDN
  - Phụ lục thu nhập từ chuyển nhượng BĐS 03-5/TNDN
  - Phụ lục trích lập, sử dụng Quỹ KHCN 03-6/TNDN
  - Phụ lục bảng phân bổ thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động KD khác tỉnh: sản xuất, chuyển nhượng BĐS, xổ số điện toán 03-8/TNDN
  - Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền của hoạt động CN BĐS thu tiền theo tiến độ 03-9/TNDN
  - Phụ lục giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP
  - Phụ lục I, II, III, IV Nghị định 132/2020/NĐ-CP về GDLK

## 6. Thời hạn hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN

- Chậm nhất là ngày 31/3/2022 đối với doanh nghiệp có năm tài chính trùng năm dương lịch
- Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với DN có năm tài chính khác năm dương lịch
- Chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động hoặc tổ chức lại doanh nghiệp. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà DN chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm

## QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN NĂM 2021

Năm 2021, việc quyết toán thuế được thực hiện theo pháp luật thuế TNCN, Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 80/2021/TT-BTC, công tác quyết toán thuế TNCN năm 2020 có một số nội dung cần lưu ý như sau:

### 1. Đối với tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế và quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân có ủy quyền.
- Trường hợp cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức và có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn kê khai thông tin cá nhân được trả thu nhập đó tại hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức và không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống. Trường hợp tổ chức trả thu nhập đã quyết toán thuế TNCN trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì không xử lý hồi tố

### 2. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan Thuế

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa để nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.
- Cá nhân có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì năm quyết toán đầu tiên là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.
- Cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh.
- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế.

### 3. Ủy quyền quyết toán thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, gồm:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch. Các trường hợp điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới cũng được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.
- Cá nhân ở trường hợp nêu trên nhưng đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.
- Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: "*Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà .... (theo ủy*

*quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.*

- Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử, cá nhân khi trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế sử dụng bản thể hiện của chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử (bản giấy do người nộp thuế tự in chuyển đổi từ chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử gốc do tổ chức, cá nhân trả thu nhập gửi cho người nộp thuế) để nộp kèm hồ sơ quyết toán.

#### 4. Mức giảm trừ gia cảnh

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);
- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng.

#### 5. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

##### Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

- Tờ khai thuyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.
- Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo suất toàn phần mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Cá nhân lập Giấy uỷ quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ kỳ tính thuế năm 2021 theo mẫu số 08/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

##### Đối với cá nhân khai quyết toán thuế TNCN trực tiếp với cơ quan thuế

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Bản sao (bản chụp từ bản chính) các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.
- Bản sao Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp.
- Bản sao các hóa đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có)
- Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài.
- Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc (nếu tính giảm trừ cho người phụ thuộc tại thời điểm quyết toán thuế đối với người phụ thuộc chưa thực hiện đăng ký người phụ thuộc)

#### 6. Khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

- Trường hợp tổ chức, cá nhân khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.



- Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì:
  - + Đối với cá nhân trực tiếp khai thuế, trực tiếp quyết toán thuế chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm.
  - + Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm và tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

## PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2021 ĐẾN NAY

### THUẾ GTGT

#### 1. Hướng dẫn về chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP

Trong quá trình áp dụng chính sách giảm thuế GTGT theo hướng dẫn tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ, doanh nghiệp đã gặp rất nhiều vướng mắc. Theo đó, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn 2688/BTC-TCT hướng dẫn về vấn đề này. Theo đó:

- Trường hợp cơ sở kinh doanh ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu tiền, đã lập hóa đơn tại thời điểm thu tiền trước 01/02/2022 với thuế suất 10%, dịch vụ hoàn thành trong thời gian từ 01/02/2022 đến hết 31/12/2022:
  - + Đối với phần tiền đã lập hóa đơn trước ngày 01/02/2022 không thuộc trường hợp được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT.
  - + Đối với phần tiền còn lại chưa thanh toán, được lập hóa đơn từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 thì được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT từ 10 xuống 8%.
- Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc mức thuế suất 10% trong tháng 01/2022 nhưng đến tháng 02/2022 cơ sở kinh doanh mới lập hóa đơn thì thuộc trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm và không thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT.
- Đối với hóa đơn đã lập trước ngày 01/02/2022 với thuế suất thuế GTGT 10%, sau ngày 01/02/2022 phát sinh các nội dung sai sót cần điều chỉnh thì hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn trả lại hàng được lập với thuế suất thuế GTGT là 10%.
- Đối với hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ đặc thù như cung cấp điện, cơ sở kinh doanh được giảm thuế GTGT theo quy định đối với các hóa đơn lập từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

**(CV số 2688/BTC-TCT ngày 23/3/2022)**

2. **Sử dụng hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ:** Trường hợp Công ty sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP và khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì sử dụng hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài. Đồng tiền ghi trên hóa đơn được sử dụng bằng ngoại tệ, người bán đồng thời phải thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam. **(CV số 4251/CTHN-TTHT ngày 28/01/2022 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
3. **Thuế GTGT vắng lai đối với hoạt động xây dựng:** Trường hợp Công ty có hoạt động xây dựng ở ngoại tỉnh thì hoạt động của Công ty thuộc đối tượng phải kê khai và nộp thuế vắng lai ngoại tỉnh theo quy định và từ ngày 01/01/2022 thì tỷ lệ phân bổ thuế GTGT phải nộp đối với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh là 1%. Trường hợp Công ty có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết (bao gồm cả số thuế GTGT đã nộp vắng lai ngoại tỉnh) thì Công ty được hoàn thuế theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC nếu đáp ứng được các điều kiện về kê khai, khấu trừ và hoàn thuế theo quy định. **(CV số 1261/CTBDU-TTHT ngày 25/01/2022 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương)**
4. **Lập hóa đơn kèm bảng kê đối với doanh số bán lẻ cho khách hàng trong ngày không lấy hóa đơn:**

Trường hợp Công ty là cơ sở kinh doanh thương mại bán lẻ, việc hạch toán toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại trụ sở chính hệ thống máy tính tiền kết nối với máy tính chưa đáp ứng điều kiện kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế, từng giao dịch bán hàng hóa có in Phiếu tính tiền cho khách hàng, dữ liệu Phiếu tính tiền có lưu trên hệ thống thì cuối ngày Công ty căn cứ thông tin từ Phiếu tính tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các khách hàng không có nhu cầu nhận hóa đơn theo quy định tại điểm g Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. **(CV số 1460/CTHN-TTHT ngày 14/01/2022 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**

5. **Xuất hóa đơn chiết khấu thương mại:** Trường hợp doanh nghiệp sử dụng HĐĐT theo Nghị định số 123/2020/ND-CP, có áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng mua hàng theo quy định thì nội dung hóa đơn phải đảm bảo thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mãi trên hóa đơn theo quy định tại Điểm đ, Khoản 6, Điều 10, Nghị định số 123/2020/ND-CP. Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán; thì bên bán được lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh theo quy định tại Khoản 22, Điều 7, Thông tư số 219/2013/TT-BTC. **(CV số 457/CTHN-TTHT ngày 07/01/2022 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
6. **Xuất hóa đơn đối với các khoản chi tài trợ bằng hiện vật:** Trường hợp Công ty phát sinh các khoản chi tài trợ bằng hiện vật cho bệnh viện đã chiến như vật tư, máy móc, thiết bị thì Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các vật tư, máy móc, thiết bị này. Khi bàn giao vật tư, máy móc, thiết bị cho bệnh viện, Công ty lập hóa đơn GTGT và kê khai thuế GTGT đầu ra theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động tài trợ. **(CV số 17062/CTBDU -TTHT ngày 09/11/2021 của Cục thuế tỉnh Bình Dương)**
7. **Về thuế GTGT đã hoàn của hàng hóa xuất khẩu bị trả lại:** Đối với hàng xuất khẩu bị trả lại nếu doanh nghiệp đã làm thủ tục hoàn thuế GTGT đầu vào thì buộc phải hoàn trả số thuế GTGT được hoàn đồng thời nộp tiền chậm nộp theo quy định. **(CV số 1613/TCT-KK ngày 19/05/2021 của TCT và 13583/CT-TTHT ngày 19/10/2020 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh)**
8. **Chuyển nhượng dự án đầu tư được miễn thuế GTGT nhưng vẫn phải xuất hóa đơn:** Trường hợp doanh nghiệp này chuyển nhượng lại dự án cho doanh nghiệp khác để tiếp tục thực hiện, nếu đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đồng thời dự án này sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thì bên chuyển nhượng được miễn khai nộp thuế GTGT. Tuy nhiên, bên chuyển nhượng dự án vẫn phải phát hành hóa đơn, trên hóa đơn chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán; dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi. **(CV số 20844/CTHN-TTHT ngày 11/06/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
9. **Nhận hỗ trợ phải nộp thuế GTGT nếu bản chất là tiền thuê thực hiện dịch vụ:** Trường hợp chi nhánh có chi tiền hỗ trợ cho các nhà phân phối để thực hiện chương trình hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ chăm sóc khách hàng, hỗ trợ vận chuyển, tiếp thị, trưng bày sản phẩm... cho chi nhánh thì khi nhận hỗ trợ, các nhà phân phối phải xuất hóa đơn, khai nộp thuế GTGT. Việc nhà phân phối xuất hóa đơn GTGT hay hóa đơn bán hàng và tính thuế GTGT theo thuế suất 10% hay theo tỷ lệ trên doanh thu tùy thuộc nhà phân phối nộp thuế theo phương pháp khấu trừ hay trực tiếp. **(CV số 10143/CTHN-TTHT ngày 05/04/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
10. **Doanh nghiệp chế xuất ("DNCX") gia công cho nhau:** Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất cung cấp dịch vụ gia công cho doanh nghiệp chế xuất khác thì dịch vụ này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan". Từ ngày 05/12/2020, việc khai nộp thuế được thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp DNCX chỉ có hoạt động xuất khẩu thì được miễn hồ sơ khai thuế GTGT. **(CV số 9054/CTHN-TTHT ngày 26/03/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
11. **Hướng dẫn về kê khai và hoàn thuế GTGT:** Đối với cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới (trừ các trường hợp thuộc đối tượng không được hoàn thuế theo quy định), khi kết thúc giai đoạn đầu tư để chuyển sang giai đoạn sản xuất kinh doanh mà số thuế GTGT đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên, thì trên tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư (mẫu 02/GTGT) tại kỳ tính thuế kết thúc giai đoạn đầu tư phải thực hiện kê khai vào chỉ tiêu "Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn". Trường hợp trên tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư (mẫu 02/GTGT) tại kỳ tính thuế kết thúc giai đoạn đầu tư chưa kê khai chỉ tiêu "Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn" thì thực hiện kê khai bổ sung theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 7, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Cơ sở kinh doanh lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư khi đáp ứng đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định. **(CV số 944/TCT-CS ngày 01/04/2021 của TCT)**
12. **Xuất hóa đơn đối với lãi vay:** Đối với trường hợp công ty cho các cá nhân trong công ty vay tiền thì đây được coi là "cho vay riêng lẻ", thuộc diện không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên khi thu tiền lãi vay, công ty vẫn phải phát hành hóa đơn, trên hóa đơn ghi rõ thu lãi tiền vay, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi, gạch chéo. **(CV số 3269/CTHN-TTHT ngày 26/01/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**

### 13. Hướng dẫn mới về hóa đơn, chứng từ

Ngày 17/09/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 78/2021/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ.

Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn điện tử, hóa đơn giấy, sử dụng biên lai, chứng từ và một số nội dung hướng dẫn xử lý chuyển tiếp

Thông tư hướng dẫn một số điểm mới đáng lưu ý như sau:

#### *Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử*

Doanh nghiệp được quyền ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử cho bên thứ ba là bên có quan hệ liên kết với người bán, là đối tượng đủ điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ. Việc ủy nhiệm phải được lập bằng văn bản và phải thông báo cho cơ quan thuế khi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Hóa đơn điện tử trong trường hợp này phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và của bên nhận ủy nhiệm.

Hợp đồng/Thỏa thuận ủy nhiệm phải thể hiện đầy đủ các thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm; thông tin về hóa đơn điện tử ủy nhiệm; mục đích ủy nhiệm; thời hạn ủy nhiệm; phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm

#### *Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp*

Việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đã lập đến cơ quan thuế được thực hiện đồng thời với việc gửi hóa đơn điện tử cho người mua hoặc chậm nhất là trong cùng ngày gửi cho người mua, trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại Điều 22, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

#### *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm:*

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai;

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc khai thuế theo từng lần phát sinh nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh

#### *Xử lý hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế có sai sót trong một số trường hợp*

Hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải cấp lại mã của cơ quan thuế hoặc có sai sót cần xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế thì người bán được lựa chọn thông báo điều chỉnh cho từng hóa đơn có sai sót hoặc thông báo điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót đến cơ quan thuế bất cứ thời gian nào nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của kỳ kê khai thuế GTGT phát sinh hóa đơn điều chỉnh;

Người bán lập hóa đơn khi thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ sau đó có phát sinh việc hủy hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập và thông báo với cơ quan thuế về việc hủy hóa đơn;

Hóa đơn điện tử đã lập có sai sót và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế, sau đó lại phát hiện hóa đơn tiếp tục có sai sót thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý sai sót lần đầu;

Hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn có sai sót thì người bán chỉ thực hiện điều chỉnh mà không thực hiện hủy hoặc thay thế. Riêng đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn có sai sót thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh.

#### *Hiệu lực thi hành và Xử lý chuyển tiếp*

Thông tư 78 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022. Riêng hóa đơn điện tử áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể được gia hạn thêm 12 tháng tùy thuộc vào phương thức giao dịch với cơ quan thuế và tổ chức hạ tầng công nghệ thông tin.

Doanh nghiệp đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử không có mã hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, đã mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày Thông tư này được ban hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đang sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**THUẾ TNDN**

1. **Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ bồi thường:** Trường hợp công ty đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về địa bàn, đối với thu nhập nhận được từ khách hàng như một khoản bồi thường vi phạm hợp đồng do không sử dụng hết phần nguyên vật liệu đầu vào của dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi tại địa bàn khu kinh tế thì khoản thu nhập này cũng được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định. **(CV số 194/CTHPH-TTHT ngày 21/01/2022 của Cục Thuế TP. Hải Phòng)**
2. **Chi phí tiêu hủy hàng hóa không được trừ:** Trường hợp công ty có sản phẩm hàng hóa mà Bộ Y tế đã có thông báo đình chỉ lưu hành và thu hồi trên toàn quốc và buộc phải tiêu hủy thì chi phí tiêu hủy hàng hóa này không thuộc trường hợp bất khả kháng, là khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 1827/CTBDU-TTHT ngày 11/02/2022 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương)**
3. **Ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:** Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN, nếu công ty thực hiện nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh thì công ty phải tính riêng thu nhập từ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Thu nhập được ưu đãi thuế theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là thu nhập từ sản xuất các sản phẩm được ghi trên Giấy xác nhận ưu đãi do Bộ Công Thương cấp. Đối với các khoản thu nhập từ sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên địa bàn khu công nghiệp thì tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp (trừ các khoản thu nhập nêu tại Điểm a, b, c, Khoản 3, Điều 18, Thông tư số 78/2014/TT-BTC). Các khoản thu nhập từ hoạt động kinh doanh không thuộc các khoản thu nhập nêu trên không được ưu đãi thuế, phải kê khai, nộp thuế TNDN với thuế suất phổ thông. **(CV số 06/CTBNI-TTHT ngày 04/01/2022 của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh)**
4. **Chi phí tổn thất do hỏa hoạn:** Trường hợp trong năm tính thuế bị thiệt hại do hỏa hoạn, Công ty chưa được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường thì Công ty căn cứ hồ sơ quy định tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT-BTC) để tính vào chi phí được trừ đối với tổng giá trị tổn thất. Khi được cơ quan bảo hiểm chấp nhận và chi trả bồi thường thì Công ty tính khoản thu từ bồi thường vào thu nhập khác khi quyết toán thuế TNDN năm được chi trả bồi thường. **(CV số 4329/CTBNI-TTHT ngày 31/12/2021 của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh)**
5. **Học phí cho con người nước ngoài:** Trường hợp công ty ký hợp đồng với lao động người nước ngoài, trong hợp đồng lao động ghi rõ công ty chịu khoản chi tiền học phí cho con của người nước ngoài học tại Việt Nam theo học từ bậc mầm non đến trung học phổ thông, nếu khoản chi này có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và đáp ứng quy định về thanh toán không dùng tiền mặt thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Nếu con của người lao động người nước ngoài đang học tại trường có mô hình hoạt động theo phương thức tổ chức phi lợi nhuận, khi thu tiền học phí của học sinh không sử dụng hóa đơn mà xuất trả biên lai thì công ty căn cứ vào biên lai thu tiền (có đầy đủ thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế của Công ty, nội dung thu, số tiền thu) cùng với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của công ty để tính vào chi phí được trừ theo quy định. **(CV số 4249/CTBNI-TTHT ngày 20/12/2021 của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh)**
6. **Chi phí được trừ:** Trường hợp Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh đã ghi nhận doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng chưa phát sinh đầy đủ chi phí thì được trích trước các khoản chi phí theo quy định vào chi phí được trừ tương ứng với doanh thu đã ghi nhận khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi kết thúc hợp đồng, Công ty phải tính toán xác định chính xác số chi phí thực tế căn cứ các hóa đơn, chứng từ hợp pháp thực tế đã phát sinh để điều chỉnh tăng chi phí (trường hợp chi phí thực tế phát sinh lớn hơn số đã trích trước) hoặc giảm chi phí (trường hợp chi phí thực tế phát sinh nhỏ hơn số đã trích trước) vào kỳ tính thuế kết thúc hợp đồng.  
  
Đối với khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, theo thỏa thuận giữa các bên, sau khi các khoản nợ tạm ứng được chuyển thành nợ phải thu thì mới thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019. Các khoản trích lập dự phòng đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.  
**(CV số 4325/TCT-CS ngày 09/11/2021 của TCT)**
7. **Tiền cọc không được hoàn trả do chấm dứt hợp đồng trước hạn:** Trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi phí do chấm dứt hợp đồng thuê trước hạn nên không được trả lại tiền đặt cọc nhà xưởng, nếu khoản chi phí này đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì được xác định là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 18852/CTBDU-TTHT ngày 26/11/2021 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương)**

8. **Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với hoạt động xây dựng lắp đặt:** Trường hợp Công ty mua hàng phát sinh các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4, Thông tư số 96/2015/TTBTC thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh phát hiện Công ty phát sinh khoản chi phí đầu vào hóa đơn lập sau ngày lập hóa đơn đầu ra nếu không đáp ứng đủ điều kiện nêu trên thì Công ty không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp bên bán hàng hóa, dịch vụ có hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định thì bị xử phạt hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. **(CV số 43222/CTHN-TTHT ngày 01/11/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
9. **Ưu đãi thuế đối với hoạt động chế biến thủy sản:** Kể từ kỳ tính thuế năm 2015, thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động chế biến thủy sản nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định được hưởng mức ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") như sau:
- Nếu phát sinh tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được áp dụng miễn thuế TNDN.
  - Nếu phát sinh tại địa bàn kinh tế xã hội khó khăn được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10%.
- (CV số 2753/TCT-CS ngày 23/07/2021 của TCT)**
10. **Chính sách thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh tại Đài Loan đã đóng thuế tại Đài Loan:**
- Trường hợp năm 2020 Công ty có phát sinh thu nhập tại Đài Loan, (nước đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam) đã chịu thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) ở Đài Loan, số thuế đã nộp đúng theo quy định của luật nước ngoài và quy định tại Hiệp định thì số tiền thuế đã nộp (hoặc được coi như đã nộp) tại Đài Loan sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam nếu đảm bảo các điều kiện và thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 48 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính.
- Thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 44 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian xem xét khấu trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam không quá ba năm trước thời điểm đề nghị áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước ngoài, trừ khi có quy định khác về giới hạn hưởng lợi theo Hiệp định.
- Đối với số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế thì Công ty thực hiện kê khai vào Phụ lục 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và thể hiện tại Chỉ tiêu C15- Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN) ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- (CV số 31912/CTHN-TTHT ngày 17/08/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**
11. **Chính sách ưu đãi thuế TNDN khi thay đổi địa điểm thực hiện dự án đầu tư:**
- Căn cứ theo quy định tại Khoản 8, Điều 18, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN, nếu trong năm tính thuế mà doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện ưu đãi theo quy định thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi trong năm tính thuế đó và năm đó sẽ tính trừ vào thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN của doanh nghiệp. Theo đó, trường hợp Công ty được hưởng ưu đãi do thực hiện dự án tại khu công nghiệp, nếu sau này di chuyển địa điểm thực hiện dự án đến cụm công nghiệp khác thì Công ty không còn đáp ứng điều kiện là dự án đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, do đó kể từ năm dời địa điểm không được hưởng tiếp ưu đãi thuế.
- (CV số 1784/TCT-CS ngày 28/05/2021 của TCT)**
12. **Hỗ trợ bằng tiền:** Trường hợp Công ty nhận được khoản hỗ trợ bằng tiền từ đối tác sau khi hai bên ký hợp đồng để Công ty trở thành đại lý phân phối độc quyền sản phẩm của đối tác và khoản thu nhập này Công ty nhận được không nhằm thực hiện các dịch vụ như sửa chữa, bảo hành, quảng cáo, khuyến mại thì Công ty thực hiện khai nộp thuế TNDN. Khoản thu nhập tính thuế TNDN được xác định một lần và không thực hiện phân bổ cho nhiều kỳ, thời điểm xác định thu nhập để tính thuế TNDN là thời điểm Công ty nhận được khoản hỗ trợ nêu trên. **(CV số 933/TCT-DNL ngày 01/04/2021)**
13. **Chi phí trước khi thành lập doanh nghiệp:** Trường hợp trước khi được cấp giấy phép thành lập, người sáng lập công ty có ủy quyền cho tổ chức khác chi hộ các khoản chi phí liên quan đến tiền lương, BHXH bắt buộc, công đoàn phí, thuế TNCN và các chi phí mua bán khác; thì các hóa đơn, chứng từ mang tên

tổ chức được ủy quyền được coi là chứng từ hợp lý, hợp lệ để hạch toán vào chi phí hợp lý được trừ của công ty khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. **(CV số 17151/CTHN-TTHT ngày 20/05/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**

14. **Thuế TNDN, TNCN với khoản tiền mua bảo hiểm sức khỏe không bắt buộc cho người lao động:** Trường hợp công ty mua sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm cho người lao động thì:

- Về thuế TNDN: Khoản chi mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi. Nếu tổng số chi có tính chất phúc lợi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn tại Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- Về thuế TNCN: Không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động đối với khoản tiền mua sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm.

**(CV số 7431/CTHN-TTHT ngày 12/03/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**

15. **Thuế TNDN hoạt động chuyển nhượng vốn giữa hai nhà đầu tư nước ngoài:**

Trường hợp bên chuyển nhượng vốn và bên nhận chuyển nhượng vốn đều là nhà đầu tư nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp Việt Nam thì doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam (nơi 02 nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn) có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài theo quy định.

Về giá chuyển nhượng, trường hợp mức giá chuyển nhượng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan Thuế thực hiện ấn định giá chuyển nhượng căn cứ quy định của pháp luật; trên cơ sở xem xét hồ sơ khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, báo cáo tài chính của công ty đến thời điểm chuyển nhượng vốn, tham khảo trường hợp chuyển nhượng vốn tương tự và tình hình thực tế chuyển nhượng vốn tại Công ty **(CV số 615/TCT-CS ngày 11/03/2021 của TCT)**

16. **Áp dụng quy định giảm 30% thuế TNDN đối với doanh nghiệp có báo cáo tài chính hợp nhất:** Tiêu chí doanh thu để xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP đối với doanh nghiệp bao gồm cả doanh thu của chi nhánh thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020. **(CV số 967/TCT-CS ngày 05/04/2021 của TCT)**

17. **Lưu ý đối với khoản phí bảo hiểm tặng cho khách hàng:** Trường hợp doanh nghiệp khuyến mại bán hàng bằng hình thức tặng "phí bảo hiểm nhân thọ" cho khách hàng (không phải người lao động, chương trình đã đăng ký với Sở Công Thương), đồng thời khách hàng trực tiếp đứng tên hợp đồng và hóa đơn (không phải doanh nghiệp) thì không được chấp nhận là chi phí được trừ. Về phía khách hàng được tặng phí bảo hiểm nhân thọ thì khoản thu nhập này không thuộc thu nhập chịu thuế Thu nhập cá nhân ("TNCN") từ quà tặng theo quy định hiện hành, do đó được miễn khấu trừ thuế TNCN. **(CV số 153/TCT-CS ngày 14/01/2021 của TCT)**

18. **Sử dụng hóa đơn trong thời gian bị cưỡng chế:** Hành vi sử dụng hóa đơn trong thời gian cơ quan Thuế có quyết định về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng được coi là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Theo đó, cơ quan Thuế sẽ thực hiện truy thu số thuế phát sinh (nếu có) do sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Cụ thể:

- Các hóa đơn này không còn giá trị sử dụng, nên đơn vị bán hàng và mua hàng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp;

- Đơn vị mua hàng không được kê khai khấu trừ thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") và tính chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN;

- Đơn vị bán hàng và đơn vị mua hàng phải lập biên bản thu hồi các hóa đơn đã lập sai quy định. Sau khi quyết định cưỡng chế hết hiệu lực hoặc chấm dứt hiệu lực, qua xác minh cơ quan Thuế xác định thực tế có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thì cơ quan Thuế hướng dẫn đơn vị bán hàng xuất hóa đơn, căn cứ các hóa đơn này đơn vị bán hàng, mua hàng thực hiện kê khai thuế theo quy định.

**(CV số 6371/CTHN-TTHT ngày 02/03/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**

19. **Học phí cho con của người lao động:** Nếu người lao động mang quốc tịch Việt Nam, ký hợp đồng lao động trực tiếp với công ty nước ngoài và được phái cử sang làm việc tại công ty tại Việt Nam, thì khoản chi học phí cho con của người lao động do công ty tại Việt Nam chi trả không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của công ty tại Việt Nam và không được miễn thuế TNCN đối với người lao động. **(CV số 1981/CTHN-TTHT ngày 15/01/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)**

20. **Khoản phí đóng góp vào quỹ hưu trí cho người lao động:** Trường hợp công ty mẹ ở nước ngoài cử nhân viên sang Việt Nam làm việc và trong văn bản thỏa thuận giữa công ty mẹ ở nước ngoài và công ty tại Việt Nam quy định công ty tại Việt Nam phải chi trả các chi phí đóng góp vào quỹ hưu trí cho các nhân viên này trong thời gian công tác ở Việt Nam, thì khoản chi trả nêu trên được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 3619/CTHT-TTHT ngày 28/01/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)*

## THUẾ TNCN

1. **Nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế TNCN đối với khoản tiền lương do công ty mẹ trả hộ:** Công ty có sử dụng lao động là người Nhật Bản từ Công ty mẹ ở nước ngoài sang để làm việc, theo thỏa thuận toàn bộ tiền lương của người lao động này do Công ty ở Việt Nam trả (bao gồm cả phần công ty mẹ trả hộ cho người lao động này tại Nhật Bản, Công ty sẽ hoàn trả khoản trả hộ này cho Công ty mẹ ở nước ngoài) và người lao động chỉ có thu nhập từ công việc tại Công ty, không kiêm nhiệm công việc tại nơi khác thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai nộp thuế TNCN trên tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân lao động nước ngoài. *(CV số 53948/CTHN-TTHT ngày 13/12/2021 của Cục thuế TP. Hà Nội)*
2. **Hồ sơ đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc không cần có giấy xác nhận thu nhập của người phụ thuộc:** Theo quy định, ba, mẹ ruột ngoài độ tuổi lao động chỉ được tính là người phụ thuộc khi không có thu nhập hoặc thu nhập bình quân không quá 01 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, hồ sơ đăng ký người phụ thuộc không yêu cầu phải có giấy xác nhận thu nhập của người phụ thuộc. Do đó, người lao động sẽ tự khai, tự cam kết chịu trách nhiệm về thu nhập của người phụ thuộc khi đăng ký giảm trừ gia cảnh. *(CV số 52512/CTHN-TTHT ngày 07/12/2021 của Cục Thuế TP. Hà Nội)*
3. **Thông tư số 100/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế Giá trị gia tăng ("GTGT"), thuế TNCN và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:**

*Hướng dẫn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán ("Hộ khoán")*

- Trường hợp hộ khoán mới ra kinh doanh trong năm (kinh doanh không đủ 12 tháng trong năm dương lịch) thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, thuế TNCN nếu có doanh thu kinh doanh trong năm từ 100 triệu đồng trở xuống;

- Hộ khoán đã được cơ quan thuế thông báo số thuế khoán phải nộp từ đầu năm thì hộ khoán thực hiện nộp thuế theo thông báo. Trường hợp hộ khoán đã được thông báo số thuế từ đầu năm nhưng trong năm ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh số thuế phải nộp theo hướng dẫn tại điểm b.4, điểm b.5, Khoản 4, Điều 13 của Thông tư này.

*Điều chỉnh đối tượng tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân khác tại điểm d, điểm e, khoản 1, Điều 8, Thông tư 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021*

- Điểm d: Tổ chức, bao gồm cả chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự;

- Điểm e: Cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân là người nộp thuế trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

*Hướng dẫn đối với doanh thu từ việc cho thuê tài sản của cá nhân*

- Cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng mỗi năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT và thuế TNCN;

- Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì mức doanh thu để xác định cá nhân phải nộp thuế hay không phải nộp thuế là doanh thu trả tiền một lần được phân bổ theo năm dương lịch.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.

4. **Tình trạng cư trú của chuyên gia nước ngoài có nơi ở thường xuyên ở Việt Nam, nhưng thực tế ở Việt Nam dưới 183 ngày:**

Xác định tình trạng cư trú của chuyên gia Hàn Quốc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày như sau: - Nếu cá nhân chứng minh là đối tượng cư trú tại Hàn Quốc theo quy định của Hàn Quốc thì cá nhân được xác định là không cư trú tại Việt Nam và kê khai theo thuế suất toàn phần. Các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam nếu công ty đã khấu trừ và khai

thuế Thu nhập cá nhân ("TNCN") theo biểu thuế lũy tiến từng phần thì điều chỉnh lại theo thuế suất áp dụng đối với cá nhân không cư trú;

- Nếu cá nhân không chứng minh được là đối tượng cư trú tại Hàn Quốc thì cá nhân được xác định là cá nhân cư trú tại Việt Nam và áp dụng biểu thuế lũy tiến. Cá nhân có trách nhiệm kê khai thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam (nếu có) theo biểu thuế lũy tiến từng phần;

- Nếu chuyên gia là đối tượng cư trú của cả hai nước Việt Nam và Hàn Quốc thì dựa vào khoản 2 điều 4 của hiệp định tránh thuế 2 lần giữa hai nước để xác định thân phận cư trú.

**(CV số 19320/CTBDU -TTHT ngày 06/12/2021 của Cục thuế tỉnh Bình Dương)**

**5. Chính sách thuế TNCN**

Đối với các khoản từ thiện, nhân đạo: Trong tình hình dịch Covid -19, người lao động có đóng góp hai (02) ngày lương ủng hộ người dân TP. Hồ Chí Minh và ủng hộ chương trình "Sống và máy tính cho em", nếu khoản chi này đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 điều 9 Thông tư số 111/2013/TT -BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài Chính thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc : Các khoản trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và khác theo quy định của luật lao động và bảo hiểm xã hội không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN; Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, các khoản trợ cấp chi trả phải được khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến từng phần; - Sau khi chấm dứt hợp đồng, khoản chi trả thêm được khấu trừ 10% đối với khoản chi từ 2 triệu đồng trở lên.

**(CV số 19296/CTBDU -TTHT ngày 06/12/2021 của Cục Thuế Tỉnh Bình Dương)**

**6. Thuế TNCN đối với khoản hỗ trợ người lao động từ việc giảm mức đóng của công ty vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:**

Trường hợp người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống Covid-19 theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 thì khoản tiền hỗ trợ này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động. **(CV số 4102/TCT-DNNCN ngày 25/10/2021 của TCT)**

**7. Kê khai thuế TNCN:**

- Trường hợp tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập chịu thuế TNCN mới thuộc diện phải khai thuế thu nhập cá nhân.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập chịu thuế TNCN thì không thuộc diện điều chỉnh của Luật thuế Thu nhập cá nhân. Tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân tháng/quý nào thì không phải khai thuế thu nhập cá nhân của tháng/quý đó.

**(CV số 2393/TCT-DNNCN ngày 01/07/2021)**

**8. Thuế GTGT, thuế TNCN và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

Ngày 01/06/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 40/2021/TT-BTC ("Thông tư 40") hướng dẫn thuế GTGT, thuế TNCN và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Một số điểm mới đáng lưu ý của Thông tư 40 như sau:

*Làm rõ các định nghĩa quan trọng*

"Hộ kinh doanh" là cơ sở sản xuất, kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ theo quy định.

"Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn" là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quy mô về doanh thu, lao động đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của doanh nghiệp siêu nhỏ trở lên.

*Phương pháp tính thuế*

*Phương pháp kê khai*

Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn và các trường hợp chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.



Việc khai thuế thực hiện theo tháng trừ trường hợp mới ra kinh doanh và trường hợp đáp ứng các tiêu chí khai thuế theo quý và lựa chọn khai thuế theo quý.

Phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ các trường hợp thuộc lĩnh vực, ngành nghề có căn cứ xác định được doanh thu theo xác nhận của cơ quan chức năng.

Không phải quyết toán thuế.

#### Phương pháp tính thuế theo từng lần phát sinh

Áp dụng đối với cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định

Không bắt buộc phải thực hiện chế độ kế toán, nhưng phải thực hiện việc lưu trữ hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, hồ sơ chứng minh hàng hóa, dịch vụ hợp pháp và xuất trình kèm theo hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh.

#### Phương pháp khoán

Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc trường hợp nộp thuế theo phương pháp kê khai và không thuộc trường hợp nộp thuế theo từng lần phát sinh

*Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân*

Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong các trường hợp sau đây:

Tổ chức thuê tài sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận bên đi thuê là người nộp thuế;

Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân;

Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ khoán;

Tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) thực hiện chi trả thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số cho cá nhân theo thỏa thuận với nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài;

Tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo lộ trình của cơ quan thuế.

Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo ủy quyền của pháp luật dân sự.

Trường hợp trong năm cá nhân phát sinh doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống tại nhiều nơi, cá nhân dự kiến hoặc xác định được tổng doanh thu trên 100 triệu đồng/năm thì có thể ủy quyền cho các tổ chức chi trả khai thuế thay, nộp thuế thay đối với doanh thu phát sinh tại đơn vị được ủy quyền trong năm tính thuế.

#### *Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản*

Cá nhân cho thuê tài sản khai thuế theo từng lần phát sinh kỳ thanh toán (được xác định theo thời điểm bắt đầu thời hạn cho thuê của từng kỳ thanh toán) hoặc khai thuế theo năm dương lịch. Cá nhân khai thuế theo từng hợp đồng hoặc khai thuế cho nhiều hợp đồng trên một tờ khai nếu tài sản cho thuê tại địa bàn có cùng cơ quan thuế quản lý.

Cá nhân cho thuê tài sản không phát sinh doanh thu đủ 12 tháng trong năm dương lịch thì mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân cho thuê tài sản không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN là doanh thu tính thuế TNCN của một năm dương lịch (12 tháng); doanh thu tính thuế thực tế để xác định số thuế phải nộp trong năm là doanh thu tương ứng với số tháng thực tế phát sinh cho thuê tài sản.

Trường hợp bên thuê tài sản trả tiền trước cho nhiều năm thì cá nhân cho thuê tài sản khai thuế, nộp thuế một lần đối với toàn bộ doanh thu trả trước.

#### *Tỷ lệ tính thuế trên doanh thu*

Khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho hộ khoán là 1,5% (đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT) và 0,5% (đối với hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT). Quy định trước đây là 1%, không phân biệt hàng hóa, dịch vụ chịu thuế hay không chịu thuế GTGT.

*Hiệu lực thi hành*

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Trường hợp cá nhân có phát sinh hợp đồng cho thuê tài sản trong nhiều năm và đã khai thuế, nộp thuế theo quy định trước đây thì không điều chỉnh lại đối với số thuế đã khai, đã nộp theo các quy định trước ngày hiệu lực Thông tư này.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đáp ứng điều kiện nộp thuế theo phương pháp kê khai nếu cơ quan thuế đã quản lý thuế theo phương pháp khoán trước thời điểm hiệu lực của Thông tư này và không có yêu cầu chuyển đổi phương pháp tính thuế thì tiếp tục nộp thuế theo phương pháp khoán đến hết kỳ tính thuế năm 2021.

Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ khoán các khoản chi trả thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ khoán theo hướng dẫn tại Thông tư này kể từ thời điểm hiệu lực của Thông tư.

## 9. Hướng dẫn thực hiện Nghị định 18/2021/NĐ-CP về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Ngày 01/6/2021 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 2687/TCHQ-TXNK hướng dẫn cục quan hải quan các tỉnh, thành phố một số nội dung mới quy định tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP.

Một số hướng dẫn cụ thể của Công văn 2687 như sau:

Trường hợp bên thuê gia công lại và bên nhận gia công lại đều là doanh nghiệp nội địa (không phải DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan) khi giao nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đi gia công lại và khi nhận lại sản phẩm, bán thành phẩm gia công các doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục hải quan nhưng phải lưu giữ các chứng từ liên quan đến việc giao nhận nguyên liệu, vật tư, sản phẩm, máy móc, thiết bị theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán.

Trường hợp doanh nghiệp nội địa thuê DNCX gia công (bao gồm cả gia công lại) thì chỉ có doanh nghiệp nội địa thực hiện thủ tục hải quan theo quy định về đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài, doanh nghiệp nội địa phải thông báo cơ sở sản xuất, thông báo hợp đồng gia công, báo cáo quyết toán, khai báo tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu. Đồng thời, trên tờ khai xuất khẩu nguyên liệu, vật tư cho DNCX và trên tờ khai nhập khẩu sản phẩm gia công từ DNCX doanh nghiệp nội địa khai báo chỉ tiêu thông tin "số quản lý nội bộ doanh nghiệp" như sau: "#&GCPTQ".

Hướng dẫn về việc kê khai thuế, ấn định thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cấu thành trong sản phẩm được xuất khẩu tại chỗ khi người xuất khẩu tại chỗ không hoàn thành nghĩa vụ thông báo thông tin về tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ tương ứng theo đúng thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông quan hàng xuất khẩu tại chỗ.

Giải thích cụ thể về điều kiện kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp chế xuất, đặc biệt là điều kiện có hệ thống camera quan sát. Các khu vực tại DNCX được sử dụng để lưu giữ hàng hóa như kho, bãi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm, máy móc, thiết bị và các hàng hóa không chịu thuế khác phải có camera quan sát; đối với các khu vực khác tại DNCX được bố trí để sản xuất, sử dụng hàng hóa như nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn... thì không yêu cầu có camera quan sát theo quy định.

## THUẾ NHÀ THẦU

### 1. Thuế nhà thầu đối với trường hợp cung cấp hàng hóa đi kèm dịch vụ

Trường hợp công ty Việt Nam ký hợp đồng mua máy móc thiết bị có bao gồm dịch vụ đi kèm tại Việt Nam với công ty nước ngoài, nếu hợp đồng tách riêng được giá trị máy móc nhập khẩu và giá trị dịch vụ đi kèm thì công ty kê khai và nộp thay thuế nhà thầu như sau:

- Thuế GTGT:

+ Giá trị hàng hóa: chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định;

+ Giá trị dịch vụ: áp dụng thuế suất 5% trên doanh thu. Công ty được kê khai, khấu trừ chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nhà thầu nước ngoài nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ và không được tính vào chi phí được trừ đối với số thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ này.

- Thuế TNDN:

- + Giá trị máy móc nhập khẩu và phí vận chuyển: áp dụng thuế suất 1% trên doanh thu.
- + Giá trị dịch vụ: áp dụng thuế suất 5% trên doanh thu. Số thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện theo quy định.

**(CV số 303/CTLAN-TTHT ngày 15/02/2022 của Cục Thuế tỉnh Long An)**

**2. Thuế nhà thầu đối với khoản tiền bồi thường:**

Trường hợp công ty Việt Nam có thực hiện hợp đồng dịch vụ gia công (giặt, nhuộm hàng hóa) cho khách hàng nước ngoài và được chỉ định giao hàng tại Việt Nam. Công ty đã xuất hóa đơn giao cho khách hàng, sau đó công ty nước ngoài phát hiện hàng hóa bị lỗi, hỏng và phạt công ty, đồng thời thực hiện trừ vào công nợ thanh toán. Nếu đây là khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng thì thu nhập này của đối tác nước ngoài phát sinh tại Việt Nam thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo quy định:

- Thuế GTGT: thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.
- Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế 2%.

**(CV số 2194/CTPTH-TTHT ngày 28/12/2021 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ)**

**3. Thuế Nhà thầu đối với bán hàng hóa từ kho ngoại quan**

Trường hợp Công ty tại Việt Nam ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Nhà thầu nước ngoài, hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, sau đó Công ty tại Việt Nam đến kho ngoại quan để làm thủ tục nhận hàng và thanh toán tiền hàng cho bên nước ngoài nếu tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng kho ngoại quan tại Việt Nam để thực hiện quyền phân phối hàng hóa thì có nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam theo quy định. **(CV số 478/CTVLO-TTHT ngày 26/4/2021 của Cục Thuế Tỉnh Vĩnh Long)**

**4. Thuế Nhà thầu trong trường hợp công ty nước ngoài ký hợp đồng mua bảo hiểm hàng hóa cho quãng đường vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam:**

Trường hợp nhà thầu nước ngoài là tổ chức cung cấp hàng hóa cho Công ty tại Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam, theo đó Nhà thầu nước ngoài chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; công ty tại Việt Nam chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở từ cửa khẩu Việt Nam. Trong trường hợp này, nếu nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng mua bảo hiểm hàng hóa cho quãng đường vận chuyển từ nước ngoài đến Việt Nam và thu tiền của Công ty tại Việt Nam trên hóa đơn cùng với tiền hàng hóa thì không thuộc đối tượng áp dụng quy định Thông tư số 103/2014/TT-BTC. **(CV số 5616/CTHYE-TTHT ngày 23/11/2021 của Cục Thuế Tỉnh Hưng Yên)**

**5. Thuế nhà thầu đối với hoạt động thuê gia công**

Trường hợp công ty nước ngoài ký hợp đồng thuê gia công với công ty Việt Nam, nguyên vật liệu được chuyển cho công ty Việt Nam theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan vào trong lãnh thổ Việt Nam. Sau khi hoàn thành gia công, công ty Việt Nam xuất trả lại hàng cho công ty nước ngoài thì công ty nước ngoài không phát sinh thu nhập tại Việt Nam và không thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu. **(CV số 2552/CTBGI-TTHT ngày 10/06/2021 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang)**

**6. Thuế nhà thầu đối với hoạt động bán hàng theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ**

Trường hợp công ty nước ngoài (A) mua hàng của công ty Việt Nam (B), sau đó bán hàng cho công ty nước ngoài (C). Công ty nước ngoài (C) bán hàng cho công ty Việt Nam (D). Hàng hóa được chuyển trực tiếp từ kho của công ty Việt Nam (B) sang kho của công ty Việt Nam (D). Trong trường hợp này, công ty nước ngoài (C) có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng bán hàng ký với công ty Việt Nam (D) nên thuộc đối tượng áp dụng thuế NTNN. Công ty Việt Nam (D) có nghĩa vụ phải kê khai, nộp thuế NTNN thay cho công ty nước ngoài (C). Số thuế TNDN phải nộp được xác định bằng doanh thu tính thuế TNDN nhân với tỷ lệ thuế TNDN là 1% **(CV số 478/CTBNI-TTHT ngày 29/03/2021 của Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh)**

**XUẤT NHẬP KHẨU**

1. Chính sách thuế đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công, sản xuất xuất khẩu ("SXKK"); Hàng hóa phải tái xuất nguyên trạng ra nước ngoài; và việc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa là phụ tùng, linh kiện của Tài sản cố định ("TSCĐ") nhập khẩu miễn thuế

*Đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công, SXK:* Theo quy định tại khoản 4, 6 Điều 1, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, khi chuyển tiêu thụ nội địa phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công, SXK, doanh nghiệp được miễn nộp thuế nhập khẩu và không phải làm thủ tục hải quan. Tuy nhiên, công ty phải kê khai, nộp thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) cho cơ quan thuế.

*Đối với hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất nguyên trạng ra nước ngoài:*

- Hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất nguyên trạng sử dụng mã loại hình B13 (xuất khẩu hàng đã nhập khẩu) được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu.
- Trường hợp nhập khẩu sau đó tái xuất nguyên trạng nhưng không sử dụng mã loại hình B13 cũng được hoàn thuế nhập khẩu nếu trên tờ khai tái xuất cơ quan hải quan xác định hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa đã được nhập khẩu trước đó, đáp ứng điều kiện chưa qua sử dụng, gia công, chế biến.
- Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Điều 34, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

*Thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa nhập khẩu là linh kiện, phụ tùng của TSCĐ đã được miễn thuế nhập khẩu*

- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để tạo TSCĐ thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu, nhưng sau đó doanh nghiệp đem bán trong nội địa các phụ tùng của hàng hóa đã được nhập khẩu, nếu khi nhập khẩu trên tờ khai ghi rõ tên hàng, mã số của từng phụ tùng thì trước khi bán phụ tùng, doanh nghiệp phải mở tờ khai mới, nộp đủ tiền thuế cho số phụ tùng bán ra.
- Trường hợp hàng hóa là phụ tùng không được chi tiết tên hàng, mã số trên tờ khai nhập khẩu lần đầu nên Công ty không có cơ sở để kê khai tờ khai hải quan mới thay đổi mục đích sử dụng thì Công ty cung cấp thông tin chi tiết về tên hàng, số lượng, trị giá để cơ quan Hải quan thực hiện ấn định thuế theo quy định. Công ty có nghĩa vụ nộp đủ thuế cho cơ quan hải quan trước khi bán hàng hóa vào nội địa.

***(CV số 7252/TXNK-CST ngày 01/10/2021 của TCHQ)***

## **2. Hàng hóa nhập khẩu tại chỗ để gia công theo loại hình A12 không được miễn thuế**

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, đối với sản phẩm nhập khẩu tại chỗ, chỉ được miễn thuế nhập khẩu khi đăng ký tờ khai loại hình nhập gia công nếu đáp ứng điều kiện sau:

- Người nộp thuế có hợp đồng gia công theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP. Người nộp thuế kê khai số tiếp nhận hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng gia công trên tờ khai hải quan; và
- Người nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân nhận gia công lại cho người nộp thuế có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu và máy móc, thiết bị tại cơ sở gia công trên lãnh thổ Việt Nam và phải thực hiện thông báo cơ sở gia công, gia công lại; hợp đồng gia công, hợp đồng gia công lại, phụ lục hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng gia công lại cho cơ quan hải quan. Theo đó, sản phẩm nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai loại hình A12 (nhập kinh doanh sản xuất) thì Doanh nghiệp kê khai nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác tương ứng với mã loại hình A12. Trường hợp Công ty chưa kê khai nộp thuế thì phải thực hiện khai bổ sung và nộp tiền chậm nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

***(CV số 7251/TXNK-CST ngày 01/10/2021 của TCHQ)***

## **3. Hàng hóa ủy thác nhập khẩu để SXK được miễn thuế nhập khẩu**

Trường hợp tổ chức, cá nhân đủ điều kiện miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng ủy thác cho tổ chức khác nhập khẩu hàng hóa để cung cấp cho tổ chức, cá nhân ủy thác sản xuất hàng xuất khẩu thì hàng hóa do tổ chức nhận ủy thác nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu với điều kiện giá cung cấp hàng hóa theo hợp đồng ủy thác không bao gồm thuế nhập khẩu. Tổ chức, cá nhân ủy thác có trách nhiệm thực hiện thông báo cơ sở sản xuất, báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 56, Điều 60, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 36, khoản 39, Điều 1, Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Việc kiểm tra cơ sở sản xuất được cơ quan hải quan thực hiện đối với tổ chức, cá nhân ủy thác. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 14, Điều 1, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 của Chính phủ. ***(CV số 4948/TCHQ-TXNK ngày 20/10/2021 của TCHQ)***

**4. Chính sách thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu, phế liệu, phế phẩm, thành phẩm sản xuất xuất khẩu phải tiêu hủy**

Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ -CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ -CP:

*Trường hợp tiêu hủy nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, phế liệu, phế phẩm, thành phẩm:*

a. Đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu chưa đưa vào sản xuất; phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất; phế phẩm (thành phẩm không đạt chất lượng, trước khi xuất xưởng) cần tiêu hủy: nếu nguyên liệu, vật tư nhập khẩu với loại hình nhập sản xuất xuất khẩu, phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình sản xuất, được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định, thì được miễn thuế nhập khẩu.

b. Đối với thành phẩm đủ chất lượng trước khi xuất xưởng nhưng sau đó đưa đi thử nghiệm rồi tiêu hủy hoặc không tìm được thị trường xuất khẩu buộc phải tiêu hủy: nếu sản phẩm sản xuất được phép tiêu hủy và thực tế đã tiêu hủy theo quy định pháp luật hải quan thì được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên nếu sau khi tiêu hủy thu được sản phẩm khác Công ty tận dụng để bán vào nội địa thì phải kê khai, nộp thuế TTĐB (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế GTGT cho cơ quan thuế.

*Trường hợp sơ hủy nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, thành phẩm, bán thành phẩm sản xuất xuất khẩu để bán vào nội địa không được coi là phế liệu và không thuộc các trường hợp được miễn thuế nhập khẩu.*

Công ty phải kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế đối với nguyên liệu, vật tư đã được sử dụng để sản xuất ra thành phẩm, bán thành phẩm phải sơ hủy.

**(CV số 4783/TCHQ -TXNK ngày 08/10/2021 của TCHQ)**

**5. Mã loại hình Xuất nhập khẩu mới từ 01/06/2021 (theo Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/05/2021 của TCHQ)**

- Mã loại hình A12 - Nhập kinh doanh sản xuất sẽ được áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (thành lập tại Việt Nam) nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất trong nước (kể cả nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư).

- Mã loại hình E21 - Nhập nguyên liệu, vật tư để gia công cho thương nhân nước ngoài sẽ được áp dụng cho cả trường hợp bên nhận gia công nhập khẩu nguyên liệu, vật tư từ doanh nghiệp khác tại Việt Nam (nhập gia công tại chỗ) hoặc từ doanh nghiệp khác ở nước ngoài theo chỉ định của bên đặt gia công.

- Mã loại hình E52 - Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài sẽ được áp dụng cho cả trường hợp xuất sản phẩm gia công cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam (xuất gia công tại chỗ) hoặc doanh nghiệp khác ở nước ngoài theo chỉ định của bên đặt gia công và trường hợp chuyển tiếp sản phẩm gia công.

**(CV số 1067/GSQL-GQ2 ngày 07/06/2021 của TCHQ)**

**6. Lưu ý doanh nghiệp chế xuất (DNCX) về kiểm tra thực tế điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan**

Chính phủ ban hành Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 134/2016/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Nghị định 18 có hiệu lực từ 25/4/2021.

Tại Nghị định 18 có quy định cụ thể 4 điều kiện đối với DNCX, bao gồm:

- Có hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài; có cổng/cửa ra vào đảm bảo việc đưa hàng hóa ra, vào DNCX chỉ qua cổng/cửa;
- Có hệ thống camera quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày;
- Dữ liệu hình ảnh camera được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp và được lưu giữ tại DNCX tối thiểu 12 tháng;
- Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của DNCX để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu.

Theo đó, đối với các DNCX đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trước ngày

25/04/2021 và đang trong quá trình hoạt động, bao gồm cả các DNCX đã được cơ quan hải quan xác nhận về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trước ngày 25/04/2021 thì:

- Trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày 25/04/2021, DNCX phải hoàn thiện các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan nêu trên. Khi đã hoàn chỉnh các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, DNCX có thông báo gửi Chi cục Hải quan nơi quản lý theo Mẫu số 25 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này.
- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của DNCX, Chi cục Hải quan hoàn thành kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và gửi văn bản xác nhận cho DNCX về việc đáp ứng hoặc không đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan. Trường hợp DNCX nhận được văn bản xác nhận không đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, doanh nghiệp tiếp tục hoàn chỉnh các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan này nhưng không quá 01 năm kể từ ngày 25/04/2021.
- DNCX được hoàn chỉnh các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định nhiều lần nhưng không quá thời hạn 01 năm kể từ ngày 25/04/2021.
- Quá thời hạn 01 năm kể từ ngày 25/04/2021, DNCX không thực hiện thông báo theo Mẫu số 25 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này hoặc không đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định thì không được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan kể từ ngày quá thời hạn 01 năm nêu trên.

Đối với các DNCX chưa được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan kể từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư đến trước thời điểm được cơ quan hải quan có văn bản xác nhận về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định tại Nghị định này, sau khi doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định, doanh nghiệp được xử lý số tiền thuế đã nộp theo quy định về xử lý tiền thuế nộp thừa của pháp luật về quản lý thuế.

## QUY ĐỊNH KHÁC

### 1. Hạch toán khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn ngừng hoạt động do ảnh hưởng của dịch Covid 19

Trong thời gian vừa qua, một số doanh nghiệp thực hiện giãn cách xã hội phải tạm ngừng hoạt động sản xuất do phát hiện nhiều ca F0, F1.

Việc tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của dịch Covid -19 dẫn đến việc các doanh nghiệp phát sinh nhiều khoản chi phí liên quan đến bộ phận trực tiếp sản xuất như: chi phí khấu hao TSCĐ và các chi phí phát sinh trong thời gian ngừng hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí thực hiện xét nghiệm Covid-19, chi phí đồ bảo hộ, khẩu trang, thuốc khử khuẩn, chi phí vật dụng để nhân viên cách ly tập trung tại xưởng, chi phí tiêm phòng vắc-xin ngừa Covid-19 (nếu có)

Đối với vướng mắc nêu trên, tại Công văn số 10385/BTC-QLKT ngày 10/09/2021, Bộ Tài chính đã có hướng dẫn như sau:

- Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính: Đơn vị hạch toán các chi phí liên quan đến bộ phận trực tiếp sản xuất trong thời gian ngừng hoạt động do dịch Covid-19 vào Tài khoản 811 – Chi phí khác. Đơn vị phải thuyết minh việc hạch toán này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị;
- Việc xác định nghĩa vụ thuế về các chi phí liên quan đến bộ phận trực tiếp sản xuất phát sinh do ảnh hưởng của dịch Covid-19 thực hiện theo pháp luật thuế.

### 2. Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/03/2021 quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao

*Để được công nhận là công nghệ cao, các doanh nghiệp phải đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây:*

- Điều kiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 18 Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 và các nội dung sửa đổi, bổ sung theo Điều 75 của Luật Đầu tư số 67/2014 /QH13 và Khoản 3 Điều 76 của Luật Đầu tư số 61/2020 / QH14, bao gồm:
- Sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao khuyến khích phát triển.

- Áp dụng các giải pháp thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

*Một số tiêu chí dưới đây*

- Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao phải chiếm tối thiểu 70% tổng doanh thu thuần hàng năm.
- Chi tiêu cho R&D hàng năm phải bằng ít nhất 0,5% đến 2% lợi nhuận gộp hàng năm, tùy thuộc vào tổng vốn đầu tư và tổng số lượng nhân viên.
- Tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện các hoạt động R&D, được đào tạo từ trình độ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động tối thiểu từ 1% đến 5%, tùy thuộc vào tổng vốn đầu tư và tổng số lao động.

*Điều khoản chuyển tiếp*

Doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp thì thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định này.